

Bản án số: 157/2026/DSST

Ngày: 13/04/2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Tuấn Minh – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 496/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXX-ST ngày 03 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐHPT-DS ngày 24/03/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số A L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng Phòng xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân 01.

(Theo Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V).

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trung K – Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Phạm Trường L – Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Đức D2 – Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Đình V – Chuyên viên xử lý nợ; bà Đinh Huyền H – Chuyên viên xử lý nợ.

(Theo Văn bản ủy quyền số 1828/2026/UQN-KHCN ngày 12/03/2026 của Ngân hàng TMCP V).

(Ông D2 và bà H có mặt. Ông K, ông L, ông V vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1979

Căn cước công dân số 024xxxxxxxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/09/2021.

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội. (Nay là: Thôn B, xã B, thành phố Hà Nội). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V trình bày với nội dung:

Ngày 04/10/2022, bà Nguyễn Thị Lan A có ký với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử (Dành cho khách hàng cá nhân) (sau đây gọi tắt là Hợp đồng), số Hợp đồng 324-..., thẻ được kích hoạt sử dụng ngày 05/10/2022 với nội dung sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng.
- Loại thẻ: Ngân hàng V Super Shopee Platinum Visa.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất cho vay trong hạn: 39,48%/năm.
- Lãi suất cho vay quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Lan A đã sử dụng thẻ để chi tiêu 07 lần với tổng số tiền là: 276.769.400 đồng, đã thanh toán 10 lần với tổng số tiền là: 240.161.920 đồng, trong đó đã thanh toán số tiền gốc là: 1.800.379 đồng. Ngày 13/07/2023, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ số dư nợ còn lại của hợp đồng tín dụng trên đã chuyển thành nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

Tạm tính đến ngày 19/12/2025, bà A còn nợ Ngân hàng số tiền là: nợ gốc: 38.199.621 đồng, nợ lãi: 65.770.058 đồng, phí: 996.000 đồng. Tổng cộng: 104.965.679 đồng (một trăm linh bốn triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 19/12/2025 tổng số tiền là: 104.965.679 đồng (một trăm linh bốn triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng).

- Bà Nguyễn Thị Lan A tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/12/2025 cho đến ngày thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

- Bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

* Bị đơn – bà Nguyễn Thị Lan A đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án không lý do nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan A phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử (13/04/2026) tổng số tiền là: 105.602.630 đồng (*một trăm linh năm triệu, sáu trăm linh hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Xác định Hợp đồng thế tín dụng ký kết ngày 04/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Lan A là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bà A đã giao dịch nhiều lần, dư nợ gốc còn lại là 38.199.621 đồng. Do bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà A thanh toán khoản nợ là có căn cứ và cần chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà A thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền dư nợ gốc còn lại, nợ lãi, lãi chậm trả, phí theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử. Bà A tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa pháp nhân và cá nhân, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử (Dành cho khách hàng cá nhân) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Lan A thể hiện: bị đơn - bà Nguyễn Thị Lan A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội. (nay là: Thôn B, xã B, thành phố Hà Nội). Ngoài địa chỉ này, không có tài liệu thể hiện bà A có địa chỉ khác nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ. Ngày 24/03/2026, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 13/04/2026 mở lại phiên tòa nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngày 04/10/2022, bà Nguyễn Thị Lan A có ký kết với Ngân hàng TMCP V Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử (Dành cho khách hàng cá nhân) và Bản điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng V. Bản điều kiện giao dịch chung này là một bộ phận không tách rời của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng đã phê duyệt hạn mức thẻ tín dụng là: 40.000.000 đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, chủ thể ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng). Do đó, Hợp đồng thẻ tín dụng có hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Bảng kê do Ngân hàng cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà A với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà A đã sử dụng thẻ để chi tiêu 07 lần với tổng số tiền là: 276.769.400 đồng, đã thanh toán 10 lần với tổng số tiền là: 240.161.920 đồng, trong đó đã thanh toán số tiền gốc là: 1.800.379 đồng.

Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền là: 38.199.621 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, xác nhận số nợ gốc mà bà A còn nợ Ngân hàng là 38.199.621 đồng và buộc bà A phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc trên.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi và phí:

Theo Hợp đồng thẻ tín dụng thì bà A đăng ký phát hành loại thẻ: Ngân hàng V Super Shopee Platinum Visa. Theo Quyết định số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20/10/2022 của Ngân hàng V thì loại thẻ Shopee Super Platinum áp dụng mức lãi suất là 3,29%/tháng, tương đương 39,48%/năm. Các bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương 39,48%/năm x 150% = 59,22%/năm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền lãi và phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực do bà A chưa thanh toán cho Ngân hàng nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng), điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng và buộc bà A phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn: 2.031.242 đồng; lãi quá hạn: 63.651.988 đồng; lãi chậm trả: 723.779 đồng và phí: 996.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Lan A phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/04/2026) là: 105.602.630 đồng (*một trăm linh năm triệu, sáu trăm linh hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*), bao gồm: nợ gốc: 38.199.621 đồng; lãi trong hạn: 2.031.242 đồng; lãi quá hạn: 63.651.988 đồng; lãi chậm trả: 723.779 đồng và phí: 996.000 đồng.

Bà A tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/06/2025.

- Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng)

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của ngân hàng nhà nước;

- Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/04/2026) là: 105.602.630 đồng (*một trăm linh năm triệu, sáu trăm linh hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*), bao gồm: nợ gốc: 38.199.621 đồng (*ba mươi tám triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng*), lãi trong hạn: 2.031.242 đồng (*hai triệu, không trăm ba mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng*); lãi quá hạn: 63.651.988 đồng (*sáu mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, chín trăm tám mươi tám*

đồng); lãi chậm trả: 723.779 đồng (*bảy trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng*) và phí: 996.000 đồng (*chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Lan A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu 5.280.132 đồng (*năm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, một trăm ba mươi hai đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí số tiền 2.241.929 đồng (*hai triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng*) đã nộp theo biên lai số 0016283 ngày 13/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 5 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Đối với lãi trong hạn: Do bà A chưa thanh toán nợ gốc trong hạn nên phải chịu lãi suất với mức lãi suất trong hạn là 39,48%/năm tương ứng với thời gian chậm trả là Đối với số tiền lãi trong hạn và phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực do bà A chưa thanh toán cho Ngân hàng nên căn cứ quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng và buộc bà A phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 2.031.242 đồng; phí là: 996.000 đồng và lãi chậm trả: 656.538 đồng.

[2.4] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn:

Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất quá hạn được áp dụng đối với khoản nợ gốc. Thời gian tính lãi quá hạn là từ chuyển nợ quá hạn là ngày 25/05/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/03/2026 tương ứng với 1.034 ngày. Do đó, lãi suất quá hạn được tính trên khoản nợ gốc là: 38.199.621 đồng, cụ thể như sau: 38.199.621 đồng x (39,48%/năm x 150% : 365 ngày) x 1.034 ngày = 64.084.814 đồng – 1.562.441 đồng = 62.522.373 đồng. Tổng là: đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu lãi quá hạn của Ngân hàng số tiền là: 62.412.436 đồng.

Theo Hợp đồng và Bảng kê do Ngân hàng cung cấp thì Ngân hàng xác định dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn là: 38.199.621 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước. **Do đó, căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước**, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và buộc bà A phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 38.199.621 đồng.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán nợ lãi, lãi chậm trả và phí:

Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-... (bao gồm

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.